TẠP CHÍ KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
Tập 17, Số 8 (2020): 1509-1520
ISSN: 1859-3100
HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE
Vol. 17, No. 8 (2020): 1509-1520
Website: *http://journal.hcmue.edu.vn*

Bài báo nghiên cứu*

XÂY DỰNG HỆ THỐNG BÀI TẬP KHẮC PHỤC LỖI CHO HỌC VIÊN NƯỚC NGOÀI KHI HỌC ĐẠI TỪ NHÂN XƯNG TIẾNG VIỆT

Nguyễn Duy*, Đỗ Thúy Nga,
Nguyễn Bùi Thiện Nhân, Trần Lại Bảo Châu, Tăng Thị Tuyết Mai
Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
**Tác giả liên hệ: Nguyễn Duy – Email: duynguyen2704@gmail.com*
Ngày nhận bài: 16-03-2020; ngày nhận bài sửa: 10-4-2020; ngày duyệt đăng: 26-8-2020

TÓM TẮT

Bài viết xây dựng các dạng bài tập giúp học viên nước ngoài khắc phục những lỗi thường gặp khi học đại từ nhân xưng (ĐTNX) tiếng Việt, như: lỗi dùng ĐTNX không phù hợp, lỗi không xác định được các nghĩa của ĐTNX, lỗi không xác định được sắc thái biểu cảm của ĐTNX, lỗi không xác định được tính chất tương ứng của các cặp ĐTNX. Hệ thống bài tập này được xây dựng dựa trên cơ sở lí thuyết về lỗi và những lỗi thường gặp khi học ĐTNX tiếng Việt của người nước ngoài mà chúng tôi đã thu thập được thông qua quá trình thực hiện khảo sát bằng phiếu hỏi. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra lỗi là một phần tất yếu khi học một ngoại ngữ và các trường hợp lỗi khi học ĐTNX cũng không ngoại lệ. Các lỗi thường gặp khi học từ vựng ĐTNX tiếng Việt chủ yếu xuất phát từ thói quen dùng ngôn ngữ mẹ đẻ của người nước ngoài, sự phức tạp của nhóm ĐTNX trong tiếng Việt. Vì vậy, những dạng bài tập khắc phục các lỗi đã đề cập sẽ tạo điều kiện cho người học ghi nhớ những đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của nhóm từ ĐTNX tiếng Việt.

Từ khóa: bài tập cho học viên nước ngoài; bài tập đại từ nhân xưng; bài tập tiếng Việt; bài tập từ vựng tiếng Việt

1. Dẫn nhập

ĐTNX được xem là một trong những nhóm từ phổ biến và quan trọng trong hệ thống từ vựng tiếng Việt. ĐTNX[1] ("tôi", "chúng tôi", "bạn", "mày", "tao", "cô", "dì", "chú", "bác"…) là những từ dùng để xưng – gọi trong giao tiếp xã hội, có khả năng biểu lộ sắc thái tình cảm giữa những người tham gia giao tiếp. Nhóm từ này có thể đơn giản đối với người Việt nhưng lại là một vấn đề phức tạp đối với người nước ngoài khi học tiếng Việt. Tuy nhiên, hiện nay, chúng tôi vẫn chưa ghi nhận một công trình nào tập trung nghiên cứu và xây dựng hệ thống bài tập giúp học viên khắc phục lỗi khi học nhóm ĐTNX tiếng Việt dành cho học viên nước ngoài. Đa số các giáo trình hiện hành tập trung vào việc xây dựng hệ thống bài tập theo các chủ đề hoặc theo các mẫu câu giao tiếp thường gặp trong đời

Cite this article as: Nguyen Duy, Do Thuy Nga, Nguyen Bui Thien Nhan, Tran Lai Bao Chau, & Tang Thi Tuyet Mai (2020). Designing a system of error correction exercises for foreigners in learning Vietnamese personal pronouns. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 17*(8), 1509-1520.

[1] Các vấn đề lí thuyết về nhóm ĐTNX đã được nhiều tác giả đề cập, như: Đinh Văn Đức (1986), Lê Biên (1999), Đinh Trọng Lạc (2004), Diệp Quang Ban (2016)... Vì vậy, trong bài viết này, chúng tôi chỉ giới thiệu sơ nét một vài đặc điểm quan trọng của nhóm từ này.

sống. Chính vì vậy, chúng tôi nghiên cứu đề tài "Xây dựng hệ thống bài tập khắc phục lỗi cho học viên nước ngoài khi học đại từ nhân xưng tiếng Việt" với mong muốn cung cấp một hệ thống bài tập nhằm tập trung khắc phục các lỗi mà học viên nước ngoài thường mắc phải khi học ĐTNX tiếng Việt. Chúng tôi hi vọng hệ thống bài tập này sẽ là một nguồn tài liệu tham khảo hữu ích đối với giáo viên dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và học viên nước ngoài học tiếng Việt.

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lí luận và cách thức xây dựng hệ thống bài tập khắc phục lỗi cho học viên nước ngoài khi học ĐTNX tiếng Việt. Trong đề tài này, chúng tôi sử dụng hai phương pháp nghiên cứu: phương pháp miêu tả ngôn ngữ và phương pháp thống kê. Trong đó, phương pháp miêu tả ngôn ngữ được dùng để miêu tả đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của ĐTNX trong tiếng Việt và phương pháp thống kê được dùng để thống kê các loại lỗi của người nước ngoài khi học nhóm từ này.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Một số lỗi học viên nước ngoài thường mắc phải khi học ĐTNX

Những vấn đề về lỗi nói chung hay lỗi khi người nước ngoài học về ĐTNX tiếng Việt nói riêng đã được các nhà nghiên cứu khai thác trong các công trình nghiên cứu trước đây. Bài báo *Lỗi loại từ trong tiếng Việt của người nước ngoài* của nhà nghiên cứu Nguyễn Thiện Nam (2004) đã trình bày một số cơ sở lí luận về lỗi theo quan điểm tri nhận:

> Lỗi (error), theo quan điểm tri nhận, là một hiện tượng đương nhiên trong quá trình người học thụ đắc một ngoại ngữ. Lỗi không phải là hiện tượng tiêu cực trong quá trình học ngoại ngữ, không phải là phiên bản méo mó của ngôn ngữ đích mà lỗi thể hiện sự tham gia tích cực của người học trong quá trình thụ đắc ngôn ngữ đích, thể hiện những chiến lược quan trọng mà người học áp dụng để khám phá ngôn ngữ đích, và lỗi là chứng cứ rõ ràng nhất về hệ thống ngôn ngữ đang phát triển của người học – ngôn ngữ trung gian, (Interlanguage). (Nguyen, 2004, p.81)

Bài báo này chỉ ra những nguyên nhân gây nên các lỗi thường gặp khi người nước ngoài học tiếng Việt, như: vượt tuyến (overgeneralization), chuyển di (transfer), chiến lược giao tiếp (communication strategies) và chuyển di giảng dạy (transfer of training).

Đối với lỗi mà người nước ngoài gặp phải khi học ĐTNX, luận án *Lỗi ngôn ngữ của người nước ngoài học tiếng Việt (trên tư liệu lỗi từ vựng ngữ pháp của người Anh, Mĩ)* của Nguyễn Linh Chi (2009) đã đề cập một cách chi tiết. Những lỗi người nước ngoài mắc phải khi học ĐTNX được tác giả phân thành hai nhóm chính: lỗi dùng các từ xưng gọi và lỗi dùng các đại từ khác. Trong hai nhóm lỗi này, tác giả đã phân ra thành nhiều lỗi nhỏ hơn trong mỗi nhóm. Tư liệu khảo sát chính của công trình là tư liệu lỗi từ vựng ngữ pháp của người Anh, Mĩ. Công trình cũng đã đối chiếu với các ngôn ngữ Anh, Mĩ một cách cụ thể và chi tiết. Đây là cơ sở lí thuyết quan trọng để chúng tôi có một cái nhìn bao quát hơn trong khảo sát các lỗi của học viên nước ngoài khi học ĐTNX.

Tóm lại, những vấn đề về lỗi được đề cập trong bài nghiên cứu của Nguyễn Thiện Nam và một số lỗi mà người nước ngoài thường mắc phải khi học ĐTNX được đề cập trong công trình của Nguyễn Linh Chi là những cơ sở lí thuyết quan trọng để chúng tôi tiếp cận và mở rộng vấn đề nghiên cứu. Bài viết của chúng tôi sẽ khảo sát một cách đầy đủ và chi tiết các lỗi học viên nước ngoài thường gặp khi học ĐTNX, từ đó xây dựng hệ thống bài tập khắc phục lỗi cho học viên nước ngoài khi học nhóm từ này.

3.1.1. Lỗi dùng ĐTNX không phù hợp

Đây là một lỗi cơ bản mà học viên nước ngoài thường mắc phải khi học nhóm ĐTNX, chính vì vậy, lỗi này được đề cập trong hầu hết các bài nghiên cứu về lỗi của học viên nước ngoài khi học tiếng Việt nói chung và học ĐTNX nói riêng. Trong luận án *Lỗi ngôn ngữ của người nước ngoài học tiếng Việt (trên tư liệu lỗi từ vựng ngữ pháp của người Anh, Mĩ)*, Nguyễn Linh Chi (2009) đã chỉ ra một cách cụ thể và chi tiết các lỗi dùng ĐTNX không phù hợp, như: lỗi dùng từ xưng gọi; lỗi dùng "con ấy", "cháu ấy" thay vì "cháu"; "chúng ta" thay vì "chúng tôi"; "họ" thay vì "chúng"; "mình" thay vì "em" và "chúng mình" thay vì "chúng em"; "chúng tôi" thay vì "chúng em"; "các em" thay vì "chúng em"; "chị ấy", "anh ấy" thay vì "cô ấy", "thầy ấy". Ở đây, chúng tôi vẫn đề cập lại lỗi này vì đây là kết quả mà thông qua quá trình khảo sát chúng tôi thu thập được; hơn nữa, chúng tôi muốn thể hiện rằng đây là một lỗi phổ biến, có tính chất lặp lại ở các học viên nước ngoài khi học ĐTNX.

Trong tiếng Anh, số lượng ĐTNX là rất ít, mỗi một ngôi chỉ sử dụng duy nhất một ĐTNX, việc này đã làm cho nghĩa của mỗi đại từ mỗi ngôi được bao quát và chung hơn. Thế nhưng, trong tiếng Việt, vấn đề phức tạp hơn thế. Riêng ngôi 1 đã có đến 5 ĐTNX: "tôi", "tao", "tớ", "mình", "ta". Mặt khác, tiếng Việt còn dùng cả những danh từ thân tộc: "ông", "bà", "chú", "bác", "cô", "chú", "cậu", "mợ", "anh", "chị", "mẹ", "cha"… như một ĐTNX lâm thời. Vì vậy, việc sử dụng ĐTNX càng trở nên khó khăn với học viên nước ngoài. Thêm vào đó, trong một cuộc hội thoại, các nhân tố giao tiếp còn bị chi phối bởi yếu tố quan hệ liên nhân (quan hệ quyền thế, quan hệ thân sơ). Điều này buộc người tham gia giao tiếp phải định vị được các vai giao tiếp để có thể lựa chọn ĐTNX sao cho phù hợp. Vì vậy, học viên nước ngoài luôn gặp phải những khó khăn trong việc vận dụng các ĐTNX, đặc biệt là các ĐTNX lâm thời; do đó, họ thường phạm phải lỗi dùng ĐTNX không phù hợp.

Theo kết quả khảo sát, có 19/43 học viên nước ngoài (tương ứng với 44,2%) gặp phải lỗi này trong các câu, như:

1. Bà ơi! Bà kể chuyện cho em nghe đi!
2. Chúng mình đã hiểu rõ rồi thưa thầy!

Câu đúng:

1. Bà ơi! Bà kể chuyện cho cháu nghe đi!
2. Chúng em đã hiểu rõ rồi thưa thầy!

Ở câu (1) và (2), người học đều mắc lỗi dùng ĐTNX không phù hợp. Nếu học viên này sử dụng ĐTNX để xưng là "cháu" đối với câu (1) và "chúng em" đối với câu (2) thì hai câu này sẽ là hai câu đúng. Việc sử dụng ĐTNX không phù hợp ở hai câu này xuất phát từ việc ĐTNX ở ngôi thứ nhất đã bị chi phối bởi mối quan hệ liên nhân với ngôi thứ hai, tức người nghe/người đối thoại.

Vì vậy, theo chúng tôi, việc người học mắc lỗi dùng ĐTNX không phù hợp xuất phát từ các nguyên nhân sau. Nguyên nhân trước hết và tất yếu nhất chính là việc không xác định được mối quan hệ liên nhân, hay nói cách khác là mối quan hệ giữa người nghe và người nói. Nguyên nhân thứ hai là mặc dù học viên đã định vị được mối quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp trong cuộc hội thoại nhưng lại không đảm bảo được kiểu *xưng – gọi tương ứng*

chính xác[2], điều này xuất phát từ nguyên tắc xưng hô trong gia đình thường rất chặt chẽ và theo một trật tự nhất định, như: xưng "cháu" đối với "cụ", "ông", "bà", "cô", "chú",… hay xưng "con" đối với "cha", "mẹ"… Nguyên nhân thứ ba là việc học viên không khu biệt được ý nghĩa giữa từ đại từ "mình", "ta" hay "chúng mình", "chúng ta" với các từ như "tôi", "em" hay "chúng tôi", "chúng em". Các từ "mình", "ta" hay "chúng mình", "chúng ta" đều chỉ bản thân người nói, tuy nhiên, nó đồng thời còn bao hàm cả người nghe. Chính từ những nguyên nhân như thế đã dẫn đến việc học viên mắc lỗi dùng ĐTNX không phù hợp.

3.1.2. Lỗi không phân biệt được các nghĩa của ĐTNX

Một khó khăn khác nữa làm cho học viên nước ngoài thường mắc lỗi khi học ĐTNX chính là hiện tượng đa nghĩa, đặc biệt là trong các ĐTNX lâm thời. Điều này gây trở ngại cho người nước ngoài khi học ĐTNX tiếng Việt. Chẳng hạn, "thầy" vừa mang nghĩa "thầy giáo/người dạy học" vừa mang nghĩa là "cha", từ "cậu" vừa mang nghĩa là "em trai hoặc anh của mẹ"[3] vừa mang nghĩa là "từ dùng để gọi nhau một cách thân mật giữa bạn bè"...

Để làm rõ điều này, chúng tôi trích ví dụ như sau: khi yêu cầu học viên nhận xét sự khác biệt của đại từ trong hai cách nói sau:

1. *<u>Cậu</u> ở lại ăn trưa cùng gia đình con luôn nhé!*
2. *<u>Cậu</u> lấy giùm tớ cây bút với!*

Theo khảo sát, có 60,5% tương ứng với 26/43 học viên không trả lời câu hỏi này hoặc trả lời là "không biết" hoặc "không tìm thấy sự khác biệt", thậm chí là "sắc thái khác nhau". Ở câu (1) và câu (2), hai từ "cậu" có nghĩa hoàn toàn khác nhau. Từ "cậu" ở câu (1) được dùng để gọi "em trai hoặc anh của mẹ", còn từ "cậu" ở câu thứ (2) lại được dùng với nghĩa là "từ dùng để gọi nhau một cách thân mật giữa bạn bè còn ít tuổi".

Vì vậy, khi người học mắc lỗi này, chúng ta có thể xét đến hai nguyên nhân chủ yếu: Thứ nhất, do người học không nắm bắt đầy đủ các ý nghĩa của từ; thứ hai, vì học viên không ý thức được sự chi phối lẫn nhau của các nhân tố giao tiếp: người tham gia giao tiếp, ngữ cảnh và hiện thực được nói đến mà chỉ tập trung xem xét yếu tố người tham gia giao tiếp như một nhân tố độc lập, tách biệt. Chính vì không nắm được những điều vừa kể trên mà học viên đã mắc lỗi này.

3.1.3. Lỗi không xác định được sắc thái biểu cảm của ĐTNX

Cũng giống như những ngôn ngữ khác, ở tiếng Việt, một đối tượng có thể có nhiều cách gọi khác nhau. Tuy nhiên, có những trường hợp, ngoài từ gốc dùng để chỉ chính xác đối tượng đó ra thì những từ còn lại, mỗi từ sẽ mang một sắc thái biểu cảm khác nhau (tốt/xấu, tích cực/tiêu cực, khen/chê…). Việc này cũng đã tạo ra những trở ngại cho học viên nước ngoài khi học tiếng Việt. Do đó, có đến 81,45% tương ứng với 35/43 học viên mắc lỗi trong việc xác định các sắc thái biểu cảm của ĐTNX. Đối với các giảng viên tham gia khảo sát, có 75% tương ứng với 15/20 người đồng tình với việc các sắc thái biểu cảm trong ĐTNX gây ra nhiều khó khăn cho người nước ngoài khi học tiếng Việt. Để làm rõ điều này, chúng tôi trình bày các ví dụ sau:

Học viên được yêu cầu nhận xét sự khác biệt của cặp câu sau:

1. *Có được <u>thằng ấy</u> làm con trai, chắc cả nhà sung sướng lắm.*
2. *Có được <u>anh ấy</u> làm con trai, chắc cả nhà sung sướng lắm.*

[2] Theo cách gọi của Nguyễn Văn Chiến (1993).

[3] Các định nghĩa không ghi nguồn trong bài viết này được trích từ *Từ điển tiếng Việt* của Hoàng Phê (2018).

Có khoảng 27 bài làm cho kết quả "Tôi không biết.", "Tôi không biết từ ấy có nghĩa là gì", "Tôi biết là "anh ấy" cũng như "thằng ấy", đều chỉ người đàn ông".

Trong tiếng Việt, cả "anh" và "thằng" đều có ý nghĩa là "con trai", "đàn ông", thế nhưng từ "thằng" lại được dùng với ý không tôn trọng. Qua đó, chúng ta thấy rằng có sự khác biệt về sắc thái biểu cảm giữa "anh" và "thằng": một bên là tôn trọng/lịch sự ("anh"), một bên là không tôn trọng/không lịch sự ("thằng"). Sự phức tạp này không chỉ diễn ra ở mỗi cặp từ này, nó còn xuất hiện ở những cặp ĐTNX khác, như: "cô ấy – chị ấy – con ấy – nhỏ ấy – con nhỏ ấy"; "ông ấy – hắn – lão ấy – gã ấy"… Chính vì vậy, người học buộc lòng phải hiểu rõ sắc thái biểu cảm của từ để có sự lựa chọn phù hợp, tránh dẫn đến hiểu lầm không đáng có hoặc gây ra sự thiếu thiện cảm vì thái độ không lịch sự/không tôn trọng khi giao tiếp.

3.1.4. Lỗi không xác định được tính chất tương ứng của các cặp ĐTNX

Trong hệ thống họ hàng của người Việt có một sự phân chia rõ ràng giữa bên nội (họ hàng của bố) và bên ngoại (họ hàng của mẹ). Do đó, trong cách xưng hô cũng có một sự phân biệt rạch ròi. Mặt khác, có những cặp từ tuân theo một cấu trúc tương ứng nhất định, chẳng hạn như: bác trai – bác gái; cô – chú; chú – thím; cậu – mợ; dì – dượng (theo cách gọi của người miền Trung và miền Nam)/dì – chú (theo cách gọi của người miền Bắc). Chính vì vậy, việc không xác định được tính chất tương ứng của các cặp ĐTNX cũng là một khó khăn của học viên nước ngoài khi học ĐTNX tiếng Việt. Theo kết quả khảo sát, có 88,4% tương ứng với 38/43 người không xác định được tính chất tương ứng của các cặp ĐTNX này. Đây là lỗi chiếm tỉ lệ cao nhất trong số các lỗi học viên nước ngoài mắc phải khi học nhóm ĐTNX. Tuy nhiên, khi tham khảo kết quả khảo sát từ các giảng viên, chúng tôi nhận thấy chỉ có 55% (tương ứng với 11/20 người) đồng tình với việc các cặp ĐTNX tương ứng gây ra khó khăn cho người học. Điều này cho thấy, dù giảng viên đã giảng dạy và cung cấp đủ kiến thức về các cặp từ này, nhưng người học vẫn gặp phải nhiều sự nhầm lẫn, mà nguyên nhân có thể là do thiếu các cơ hội để luyện tập thực hành.

Học viên nước ngoài thường mắc lỗi này trong các câu:

1. *Tối nay, gia đình cô <u>cậu</u> sang nhà con ăn tối nhé.*
2. *Chúc mừng <u>mợ</u> dượng đã có được đứa con đầu lòng.*

Câu đúng:

1. *Tối nay, gia đình cô <u>chú</u> sang nhà con ăn tối nhé.*
2. *Chúc mừng <u>dì</u> dượng đã có được đứa con đầu lòng.*

Cả câu (1) và (2), học viên đều đã phá vỡ tính chất tương ứng của các cặp từ như đã nêu trên. Ở câu (1), để tạo nên tính tương ứng với từ "cô" phải là từ "chú", và ngược lại; hoặc với từ "cậu" phải là từ "mợ", và ngược lại. Ở câu (2), tương ứng với từ "dượng" phải là từ "dì", và ngược lại. Việc dùng sai cặp từ tương ứng này xuất phát từ hai lí do, thứ nhất là người học không biết được một số từ trong hệ thống ĐTNX tiếng Việt tồn tại thành các cặp từ tương ứng và thứ hai là người học không ghi nhớ được các cặp từ tương ứng. Từ đó, học viên nước ngoài đã phạm phải lỗi này khi tiếp cận nhóm ĐTNX.

3.2. Hệ thống bài tập khắc phục lỗi khi học ĐTNX tiếng Việt cho học viên nước ngoài

Để xây dựng hệ thống bài tập khắc phục lỗi khi học ĐTNX cho người nước ngoài, chúng tôi dựa vào 5 cơ sở lí thuyết. Các cơ sở này được xem xét dựa trên mức độ quan trọng đối với việc xây dựng hệ thống bài tập ĐTNX cho học viên nước ngoài. Trước hết,

từ việc tìm hiểu các tài liệu, giáo trình dạy tiếng Việt cho người nước ngoài[4], chúng tôi đã ghi nhận được một số nguyên tắc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài[5], đây là cơ sở tiên quyết để xây dựng hệ thống bài tập từ vựng tiếng Việt. Cơ sở thứ hai, chúng tôi xét đến một số nguyên tắc để xây dựng hệ thống bài tập dạy học tiếng[6]. Xuất phát từ mục đích của đề tài, chúng tôi đồng thời nghiên cứu kĩ cơ sở lí thuyết liên quan đến các nhóm từ khó đối với học viên nước ngoài. *Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài* được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam ban hành năm 2015 cũng là một trong những định hướng cho việc chọn lựa ngữ liệu của hệ thống bài tập. Và cơ sở cuối cùng mà chúng tôi dựa vào để xây dựng hệ thống bài tập từ vựng tiếng Việt chính là các mức độ nhận thức theo thang đo 4 bậc của Boleslaw Niemierko (mức độ nhận biết, mức độ thông hiểu, mức độ vận dụng, mức độ vận dụng cao)[7]. Ngoài ra, khi xem xét hệ thống bài tập được xây dựng trong các giáo trình giảng dạy tiếng Việt hiện hành[8], chúng tôi nhận thấy rằng các bộ giáo trình chủ yếu thiết kế các bài tập dựa theo hai dạng: chủ đề và hội thoại (hay còn gọi là mẫu câu giao tiếp). Đương nhiên, mỗi dạng bài tập nêu trên đều có một ưu điểm riêng và đồng thời cũng có thể cung cấp tốt các nội dung kiến thức cần thiết cho người học. Tuy nhiên, do các bài tập được xây dựng thành những chủ đề chung, mang tính bao quát nên người học chỉ mới được làm quen các vấn đề trên bề mặt mà chưa thực sự được tiếp cận các vấn đề cụ thể và chuyên sâu một cách kĩ càng, từ đó dẫn tới việc không hiểu rõ về bản chất của các nhóm từ và sử dụng chúng không phù hợp với hoàn cảnh.

Chính vì vậy, việc xây dựng hệ thống bài tập tập trung xoay quanh các vấn đề trong một nhóm từ cụ thể, đồng thời khai thác, nhận diện và chỉnh sửa những lỗi học viên nước ngoài thường hay mắc phải, theo chúng tôi, là một vấn đề cần thiết và thực sự đem lại hiệu quả cao trong công tác giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Cụ thể, đối với nhóm ĐTNX trong tiếng Việt, trên cơ sở khảo sát và trình bày các lỗi mà người học thường mắc

[4] Bài viết đã tham khảo các tài liệu, giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài của Đoàn Thiện Thuật (2001), Nguyễn Văn Huệ (2003), Lê A (2007), Dư Ngọc Ngân (2012; 2014), Chử Lương Đào (2015).

[5] Các nguyên tắc này bao gồm: nguyên tắc dạy từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài theo quan điểm giao tiếp; nguyên tắc dạy từ vựng tiếng Việt gắn với dạy văn hoá sử dụng từ vựng (dạy yếu tố bên ngoài từ vựng); nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống trong giảng dạy từ vựng tiếng Việt cho học viên; nguyên tắc trực quan và nguyên tắc phát huy vai trò chủ động, tích cực và sáng tạo của học viên. (Chử Lương Đào (2015), Lê A (2007)).

[6] Qua khảo sát các giảng viên giảng dạy tiếng Việt cho người nước ngoài và tài liệu có liên quan, chúng tôi đã thống nhất lựa chọn các nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập từ vựng tiếng Việt sau: nguyên tắc đảm bảo tính tích hợp; nguyên tắc đảm bảo tính hệ thống; nguyên tắc đảm bảo sự phù hợp với nội dung chương trình; nguyên tắc đảm bảo tính vừa sức và phát huy tính sáng tạo của người học; nguyên tắc đảm bảo tính kế thừa; nguyên tắc đảm bảo tính khả thi; nguyên tắc rèn luyện ngôn ngữ gắn liền với rèn luyện tư duy; nguyên tắc hướng vào hoạt động giao tiếp và nguyên tắc phân hóa người học. (tham khảo các tài liệu: Nguyễn Văn Bội (2007), Bùi Thị Thành (2018), Lê A (2007)).

[7] Cụ thể, Boleslaw Niemierko (2012) viết: "In cognitive domain six-level Bloom's taxonomy was condensed by combining three highest levels ("analysis", "synthesis", and "evaluation") into one problem solving category of thinking process. Besides, the defini-tion of a skill as knowledge applied to situations was introduced" (Tạm dịch: Trong lĩnh vực nhận thức, thang đo 6 bậc của Bloom được cô đọng lại bằng việc tích hợp 3 mức nhận thức cao nhất (phân tích, tổng hợp và đánh giá) vào nhóm kĩ năng giải quyết vấn đề của quá trình tư duy. Bên cạnh đó, khái niệm "vận dụng" được bổ sung vào các mức độ nhận thức của thang đo). Điều này cũng được Trần Trọng Nghĩa (2018) trình bày lại: "Nhu cầu đặt ra là một thang đo ngắn gọn nhưng đầy đủ và chính xác, hiện nay có nhiều nước, trong đó có Việt Nam, đã và đang sử dụng thang đo cấp độ tư duy (4 bậc) của nhà khoa học Ba Lan tên Boleslaw Niemierko với lí do thang đo này ít phức tạp và dễ sử dụng hơn."

[8] Bài viết đã khảo sát các bộ giáo trình tiếng Việt cho người nước ngoài của Đoàn Thiện Thuật (2001), Nguyễn Văn Huệ (2003), Dư Ngọc Ngân (2012; 2014).

phải, chúng tôi đã tiến hành xây dựng một hệ thống bài tập nhằm giúp người học có thể luyện tập và khắc phục những lỗi trên.

3.2.1. Bài tập khắc phục lỗi dùng ĐTNX không phù hợp

Khi tiếp xúc với một ngôn ngữ mới, người học đương nhiên sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình ghi nhớ từ vựng, từ đó dẫn đến việc mắc lỗi trong quá trình sử dụng từ. Hệ quả của việc này sẽ gây khó khăn trong quá trình giao tiếp, kết nối, thậm chí có thể gây ra những hiểu lầm không đáng có và làm giảm đi hiệu quả của cuộc trò chuyện. Chính vì vậy, để giúp người học khắc phục lỗi dùng ĐTNX không phù hợp, chúng tôi đề xuất một số bài tập nhằm mục đích vừa cung cấp đa dạng các từ vựng, vừa tạo cơ hội cho người học nhận diện và ghi nhớ nghĩa của các từ này.

Việc lựa chọn và sử dụng các ĐTNX phù hợp với quan hệ liên nhân trong quá trình giao tiếp là một trong những khó khăn đối với người nước ngoài khi học tiếng Việt. Như đã đề cập, do hệ thống ĐTNX trong tiếng Việt rất đa dạng và phong phú, ứng với mỗi ngôi nói lại tồn tại nhiều cách diễn đạt khác nhau, mỗi cách diễn đạt lại phù hợp với những đối tượng và tình huống giao tiếp nhất định. Vì vậy, việc xác định đúng mối quan hệ giữa người nói và người nghe để từ đó có thể lựa chọn và sử dụng ĐTNX phù hợp, vừa đảm bảo người nghe hiểu được nội dung giao tiếp, vừa thể hiện đúng thái độ lịch sự, lễ phép hay thân mật, đùa giỡn là điều không dễ dàng với học viên nước ngoài. Để khắc phục lỗi này, chúng tôi đã thiết kế kiểu bài tập điền từ, đặt học viên vào những ngữ cảnh cụ thể để rèn luyện thói quen xác định mối quan hệ liên nhân trước khi lựa chọn sử dụng ĐTNX nào đó. Bài tập kiểu này được thiết kế cụ thể như sau:

Ví dụ: Dùng các ĐTNX cho sẵn để điền vào chỗ trống

chúng con	*con*	*cháu*

1. Bố Hoa: *Phải làm bài tập cho xong rồi mới xem tivi đấy nhé!*
   Hoa: *……. biết rồi, bố đừng lo.*
2. Lan nói với bà: *Bà kể chuyện cổ tích cho……. nghe nữa đi ạ!*

Đối với dạng bài tập này, các cặp ĐTNX mà người học cần nhận diện đó là cặp "bố" – "con" và "bà" – "cháu". Xét theo quan hệ liên nhân, đây là cách nói không chỉ thể hiện sự lịch sự, lễ phép mà còn là cách nói đã được quy ước trong giao tiếp gia đình. Chính vì vậy mà việc tuân thủ đúng những cặp từ này là điều bắt buộc. Ngoài ra, do đây là những cặp từ dễ và thường được sử dụng trong giao tiếp, chính vì vậy, nó sẽ được xây dựng cho những học viên ở trình độ sơ cấp.

Ngoài ra, lỗi dùng ĐTNX không phù hợp còn đến từ việc người học chưa nhận diện đúng được các ĐTNX theo ý nghĩa chỉ ngôi và chỉ số lượng, từ đó dẫn đến sự nhầm lẫn trong cách diễn đạt. Để khắc phục những lỗi này, chúng tôi cũng đề xuất một số bài tập dạng nối (ví dụ dưới đây áp dụng cho bậc sơ cấp) để người học có thể nhận diện được các ĐTNX và từ đó có cách sử dụng phù hợp.

CỘT A	**CỘT B**	
họ	Ngôi thứ nhất	Số ít
bạn		Số nhiều
chúng ta	Ngôi thứ hai	Số ít
tớ		Số nhiều
bọn tôi	Ngôi thứ ba	Số ít
tụi nó		Số nhiều

Dạng bài tập này được xây dựng nhằm mở rộng vốn từ cho người học, và qua từng cấp bậc, độ khó của từ vựng sẽ được tăng dần. Thông qua việc xác định các ý nghĩa chỉ ngôi và chỉ số lượng của các ĐTNX theo đúng đáp án: "họ" (ngôi thứ ba, số nhiều), "bạn" (ngôi thứ hai, số ít), "chúng ta" (ngôi thứ nhất, số nhiều), "tớ" (ngôi thứ nhất, số ít), "bọn tôi" (ngôi thứ nhất, số nhiều), "tụi nó" (ngôi thứ ba, số nhiều). Có thể thấy, việc sử dụng ĐTNX theo đúng ý nghĩa chỉ ngôi và chỉ số lượng rất quan trọng trong giao tiếp bởi nó đồng thời chi phối đến chất lượng và hiệu quả của hoạt động giao tiếp. Chính vì vậy, thông qua dạng bài tập này, người học sẽ dần được luyện tập và làm quen với các ĐTNX cũng như ý nghĩa chỉ ngôi và số lượng của chúng, từ đó có cách sử dụng phù hợp trong những tình huống cụ thể. Đến những cấp bậc cao hơn, những từ vựng được sử dụng trong bài tập sẽ phức tạp hơn, mở rộng ra những từ khó, mang sắc thái biểu cảm cao và được sử dụng rộng rãi trong đời sống để người học có thêm nhiều cơ hội luyện tập và vận dụng.

3.2.2. Bài tập khắc phục lỗi không phân biệt được các nghĩa của ĐTNX

Đa nghĩa là một hiện tượng khá phổ biến trong tiếng Việt, điều này cũng không ngoại lệ đối với nhóm ĐTNX. Sự phức tạp trong cách nhận diện và hiểu các ý nghĩa của từ cũng sẽ gây không ít trở ngại cho người học, khiến cho họ hoặc là sẽ hạn chế sử dụng các từ này, hoặc là sẽ dùng chúng không đúng trường hợp. Để khắc phục lỗi này, chúng tôi đề xuất các bài tập nhằm phân biệt các ĐTNX có nhiều nghĩa như sau:

Ví dụ: Trong các trường hợp sau, trường hợp nào sử dụng ĐTNX "cậu" với nghĩa là "từ dùng để gọi nhau một cách thân mật giữa bạn bè cùng tuổi"?

1. *Cậu ơi, lát nữa ăn cơm xong, cậu giúp cháu làm bài tập này với nhé!*
2. *Bây giờ cậu lớn cả rồi, có còn nghe lời tôi với mẹ cậu nữa đâu chứ.*
3. *Cậu với tay qua bàn bên kia lấy giúp tớ cuốn sách đi.*
4. *Tôi vừa mới thuê cậu Minh đây về làm gia sư Toán cho con trai tôi đấy.*

Trong dạng bài tập này, chúng tôi sẽ lần lượt đưa ra các ĐTNX mang nhiều nghĩa khác nhau để người học nhận diện và phân biệt chúng. Cụ thể, ta thấy trong ví dụ, từ "cậu" có rất nhiều nghĩa: "cậu" với nghĩa là "em trai hoặc anh của mẹ" (một thành viên trong gia đình), "cậu" được dùng để "người cha xưng gọi với con", hay "cậu" với nghĩa là chỉ chung những người con trai còn trẻ tuổi. Vì vậy, đáp án đúng cho bài tập này đó là từ "cậu" ở câu 3, được dùng để gọi bạn bè cùng tuổi một cách thân mật. Trong tiếng Việt cũng có rất nhiều ĐTNX sở hữu nhiều nghĩa như vậy mà người học, nếu không có sự luyện tập và làm quen với từng từ thì sẽ rất khó để nhận diện được sự khác biệt này và đồng thời có thể dẫn đến những lỗi trong quá trình sử dụng chúng. Chính vì vậy, việc xây dựng bài tập nhằm nhận diện những ĐTNX có nhiều nghĩa trong tiếng Việt là rất cần thiết.

Việc nhận diện được sự khác biệt này cũng như nhận xét về ý nghĩa của nó sẽ là một điều kiện quan trọng để có thể khắc phục và giải quyết được những lỗi mà người học thường mắc phải. Hoàn thành được bài tập này, người học một mặt có thể mở rộng được vốn từ vựng, một mặt có thể phân biệt được các ý nghĩa khác nhau của những từ nhiều nghĩa.

3.2.3. Bài tập khắc phục lỗi không xác định được sắc thái biểu cảm của ĐTNX

Sắc thái biểu cảm là một trong những lí do khiến ĐTNX trở thành một nhóm từ khó đối với người nước ngoài (những người mà trong ngôn ngữ mẹ đẻ của họ hầu như chỉ có các ĐTNX mang màu sắc trung hòa). Vì vậy, để giúp người học có thể nhận diện tốt hơn sắc thái biểu cảm của các ĐTNX, chúng tôi đề xuất một số bài tập dạng nhiều lựa chọn

trong đó có sử dụng các ĐTNX có cùng ý nghĩa biểu đạt nhưng lại có sự khác biệt về ý nghĩa biểu cảm. Trong quá trình làm các bài tập này, người học có thể đi từ nhận diện đến phân tích và đánh giá các ĐTNX theo những sắc thái riêng, từ đó người học có thể thành thạo hơn trong việc xác định và sử dụng nhóm từ này.

Ví dụ: Trong những câu sau đây, đâu là những câu có chứa ĐTNX dùng để chỉ người phụ nữ với ý thân mật?

1. *Mụ già ấy hay ăn cắp vặt ở chợ, cả khu này ai mà chẳng biết.*
2. *Ả này trông xinh đẹp vậy mà mãi cho tới giờ vẫn chưa có chồng.*
3. *Cả nhà bả đã ôm tiền rồi trốn đi đâu cả rồi.*
4. *Mẹ cháu mời các cô, các bác trưa nay sang nhà cháu ăn tiệc ạ.*

Trong ví dụ trên, với yêu cầu là tìm một ĐTNX chỉ người phụ nữ với ý thân mật, đề bài lần lượt xuất hiện các từ như: "mụ", "ả", "bả" và "cô", "bác". Như vậy có thể thấy, xét về định nghĩa của từng từ, thì "mụ" chỉ người đàn bà có tuổi với hàm ý coi khinh, "ả" chỉ người con gái với hàm ý coi thường, "bả" cũng là từ chỉ người đàn bà với ý coi thường trong khi đó, "cô" và "bác" lại là một từ dùng để gọi thân mật những người cùng thế hệ với cha mẹ mình. Như vậy, đáp án đúng cho câu hỏi này sẽ là câu 4. Đối với dạng bài tập này, từ bậc trung cấp là đã có thể thiết kế cho người học luyện tập. Điều này vừa cần thiết cho việc mở rộng vốn từ, vừa cung cấp những lựa chọn từ ngữ đa dạng hơn cho người học trong quá trình giao tiếp.

Ngoài ra, dạng bài tập điền từ cũng được xây dựng nhằm giúp người học luyện tập nhận diện sắc thái biểu cảm của các ĐTNX. Bài tập này sẽ yêu cầu người học từ việc vận dụng kiến thức về những ĐTNX đã học để xác định được một ĐTNX mang sắc thái biểu cảm phù hợp đối với một tình huống cụ thể mà đề bài cho trước. Dạng bài này sẽ buộc người học phải huy động vốn từ vựng mà mình đã được học, từ đó lựa chọn những từ phù hợp với yêu cầu đề bài.

Ví dụ: Điền một ĐTNX mang sắc thái biểu cảm phù hợp với nghĩa của các câu sau:

1. *Tên tội phạm dù đã lẩn trốn suốt mấy tháng qua, nhưng cuối cùng …… (hắn/ cậu ta) vẫn bị công an tóm gọn.*
2. *Dạ thưa …… (lão/ngài), chúng tôi đã chuẩn bị xe xong. Để tăng cường việc bảo vệ, tôi đã sắp xếp hai xe đi trước và sau xe của chúng ta nên có thể yên tâm rồi ạ!*

Để hoàn thành yêu cầu của dạng bài tập này, người học trước tiên cần nhận diện, sau đó là phân tích và lựa chọn một từ thích hợp với ngữ cảnh. Khi xem xét sắc thái biểu cảm của các từ, ta nhận thấy "hắn" và "cậu" đều là từ dùng để chỉ người con trai nhưng "hắn" lại mang nét nghĩa coi thường, khinh bỉ và khi xét vào đúng ngữ cảnh của ví dụ trên, ta thấy từ này là từ phù hợp. Tương tự, "lão" và "ngài" đều là những từ chỉ người đàn ông lớn tuổi, nhưng "ngài" lại thể hiện được sự kính trọng nhiều hơn và điều này hợp với ngữ cảnh mà đề bài đặt ra. Quá trình phân tích và lựa chọn một ĐTNX phù hợp ngữ cảnh như vậy vừa có thể giúp người học ghi nhớ được ý nghĩa của các từ, vừa giúp liên hệ được với các tình huống cụ thể, từ đó mà việc nhận diện và sử dụng các ĐTNX mang sắc thái biểu cảm cao sẽ trở nên gần gũi và dễ dàng hơn.

3.2.4. Bài tập khắc phục lỗi không xác định được các cặp ĐTNX tương ứng

Một lỗi khác của người học là việc không xác định được các cặp ĐTNX mang tính chất tương ứng. Như phần trên đã đề cập, các vai vế trong dòng họ và thứ bậc trong gia đình người Việt là một hệ thống phức tạp (ngay cả đối với người bản ngữ); chính vì vậy, đối với người nước ngoài, việc gặp khó khăn và mắc lỗi trong vấn đề này cũng là một điều dễ hiểu. Để khắc phục lỗi này, chúng tôi đề xuất các dạng bài tập nhiều lựa chọn, trong đó yêu cầu người học lựa chọn một đáp án đúng để hoàn thành một cặp từ tương ứng.

Ví dụ: Chọn câu trả lời đúng.

1. *Cháu thứ hai của dì ……. năm nay đã vào lớp Một chưa ạ?*
   A. ba
   B. bác
   C. dượng
   D. cậu
2. *Thưa thầy, thầy có thể nhắc lại phần kiến thức vừa rồi cho ……. được không ạ?*
   A. bọn ta
   B. chúng tớ
   C. bọn tôi
   D. chúng em

Cặp ĐTNX mang tính chất tương ứng được sử dụng trong câu số (1) là "dì" – "dượng". Đây là cặp ĐTNX thân tộc, chỉ cách xưng hô trong gia đình người Việt. "Dì" chỉ mối quan hệ dòng họ bên ngoại, là em gái của mẹ (cách gọi của người miền Bắc) hoặc chị, em gái của mẹ (cách gọi của người miền Trung và Nam). Khi tạo thành một cặp tương ứng, "dì" phải đi cùng với "dượng" (theo cách gọi của người miền Trung và miền Nam) hoặc "dì" phải đi cùng với "chú" (theo cách gọi của người miền Bắc), đây là cách gọi đã được quy ước và người học buộc phải ghi nhớ và tuân theo. Ngoài các cặp ĐTNX thân tộc, các ĐTNX chỉ vai vế, đẳng cấp và tuổi tác trong xã hội cũng được sử dụng theo từng cặp mang tính chất tương đối, như trong câu số (2). Ở câu này, ta thấy xuất hiện cặp từ "thầy" – "chúng em", đây là cách nói thể hiện sự tôn trọng đối với người đã truyền dạy kiến thức cho mình. Vì vậy, dù ở bất kì độ tuổi nào, khi đứng trong tình huống tương tự thì người nói vẫn nên sử dụng đúng cặp ĐTNX này. Các dạng bài tập nhiều lựa chọn từ đó cũng có thể mở rộng vốn từ vựng ra các từ chỉ nghề nghiệp và chức vụ để tạo sự đa dạng và phong phú cho người học. Các bài tập nhận diện cặp ĐTNX tương ứng thường sẽ được thiết kế ở bậc sơ cấp, bởi đây là những nhóm từ dễ và quen thuộc trong đời sống hằng ngày. Việc luyện tập nhận diện các cặp từ này sẽ giúp người học sử dụng chúng một cách tự nhiên và chính xác hơn trong các cuộc hội thoại cơ bản.

Như vậy, chúng tôi đã đề xuất và đưa ra một số dạng bài tập minh họa nhằm mục đích khắc phục những lỗi mà người nước ngoài thường hay mắc phải khi học ĐTNX. ĐTNX là một nhóm từ khó, chính vì vậy mà việc xây dựng một hệ thống bài tập riêng biệt cho người học về nhóm từ này là điều cần thiết. Các bài tập chuyên biệt về ĐTNX sẽ tập trung vào các vấn đề quan trọng thường gây ra sự nhầm lẫn, nhằm khắc phục những lỗi cụ thể của người học.

4. Kết luận

Qua quá trình nghiên cứu và khảo sát những lỗi học viên nước ngoài thường mắc phải khi học ĐTNX để xây dựng hệ thống bài tập khắc phục lỗi cho học viên khi học nhóm từ này, chúng tôi rút ra những kết luận sau:

- Hệ thống bài tập ĐTNX được xây dựng nhằm khắc phục những lỗi mà học viên mắc phải, như: lỗi dùng ĐTNX không phù hợp, lỗi không xác định được các nghĩa của ĐTNX, lỗi không xác định được sắc thái biểu cảm của ĐTNX và lỗi không xác định được tính chất tương ứng của các cặp ĐTNX.

- Hệ thống bài tập ĐTNX được xây dựng có độ khó (được thể hiện thông qua hệ thống từ vựng, điểm ngữ pháp…) hay sự phức tạp (tức đòi hỏi nhiều thao tác khi thực hiện bài tập) tăng dần qua các mức độ nhận thức và đáp ứng những yêu cầu của Khung năng lực tiếng Việt dành cho người nước ngoài. Những dạng bài tập khắc phục lỗi đã đề cập tạo điều kiện cho người học ghi nhớ những đặc điểm ngữ nghĩa, ngữ pháp của nhóm từ ĐTNX.

Với hệ thống bài tập này, chúng tôi hi vọng sẽ góp phần giúp học viên nước ngoài hạn chế mắc lỗi khi học ĐTNX trong tiếng Việt.

- ***Tuyên bố về quyền lợi:*** *Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.*
- ***Lời cảm ơn:*** *Chúng tôi xin chân thành cảm ơn các giảng viên và nhóm sinh viên nước ngoài đã tham gia thực hiện khảo sát ở một số phương diện của đề tài giúp chúng tôi một nguồn tư liệu để khảo sát*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bui, T. T. (2018). *Xay dung he thong bai tap mo rong von tu cho hoc sinh mac chung kho doc* [*Designing an Exercise System to Extend Vocabulary for Dyslexia Students*]. Graduate Thesis. Ho Chi Minh City University of Education.

Chu, L. D. (2015). *Cac nguyen tac và phuong phap day hoc tieng* [*Principles and Methodologies of Language Teaching*]. Retrieved from: http://cdspgialai.edu.vn/Article/Detail/802. At 23:44, 15/03/2020

Diep, Q. B. (2016). *Ngu phap tieng Viet* [*Vietnamese Grammar*]. Hanoi: Vietnamese Education Publishing House.

Dinh, T. L. (2004). *Phong cach hoc tieng Viet* [*Vietnamese Stylistics*]. Hanoi: Vietnamese Education Publishing House.

Dinh, V. D. (1986). *Ngu phap tieng Viet: tu loai* [*Vietnamese Grammar: Word Classes*]. Hanoi: Vietnamese Education Publishing House.

Doan, T. T. (Chief Editor) (2001). *Thuc hanh tieng Viet – Sach dung cho nguoi nuoc ngoai* [*Practice Vietnamese – A Book for Foreigners*]. Hanoi: The gioi Publishers.

Du, N. N. (Chief Editor) (2012). *Tieng Viet cho nguoi nuoc ngoai* [*Vietnamese for Foreigners*], Book 1. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City University of Education.

Du, N. N. (Chief Editor) (2014). *Tieng Viet cho nguoi nuoc ngoai* [*Vietnamese for Foreigners*], Book 2. Ho Chi Minh City: Ho Chi Minh City University of Education.

Hoang, P. (2018). *Tu dien tieng Viet* [*Vietnamese Dictionary*]. Hanoi: Hong Duc Publishing House.

Le, A. (Chief Editor) (2007). *Phuong phap day hoc tieng Viet* [*Vietnamese Teaching Methods*]. Hanoi: Education Publishing House.

Le, B. (1999). *Tu loai tieng Viet hien dai* [*Modern Vietnamese Word Classes*]. Hanoi: Education Publishing House.

Ministry of Education and Training (2015). *Thong tu 17/2015/TT-BGDĐT ban hanh khung nang luc tieng Viet dung cho nguoi nuoc ngoai* [*Circular No. 17/2015/TT-BGDĐT Issuing the Vietnamese Language Ability Framework for Foreigners*].

Nguyen, L. C. (2009). *Loi ngon ngu cua nguoi nuoc ngoai hoc tieng Viet (tren tu lieu loi tu vung ngu phap cua nguoi Anh, Mi)* [*Language Errors of Foreigners Learning Vietnamese (in Documents of British and American Grammatical Errors)*]. Doctoral Thesis in Linguistics. Institute of Linguistics.

Nguyen, T. N. (2004). Loi loai tu trong tieng Viet cua nguoi nuoc ngoai [Errors of Foreigners in Learning Vietnamese Unit Nouns]. *Electronic Journal of Foreign Language, 1*(1), 81-88.

Nguyen, V. C. (1993). Tu xung ho trong tieng Viet [Address Terms in Vietnamese]. *Vietnam National University's Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, *9*(3), 8-13.

Nguyen, V. H. (Chief Editor) (2003). *Giao trinh tieng Viet danh cho nguoi nuoc ngoai* [*Vietnamese Textbook for Foreigners*]. Ho Chi Minh City: Education Publishing House.

Nguyen, V. B. (2007). *Xay dung he thong bai tap mo rong von tu theo chu diem cho hoc sinh lop 3* [*Designing an Exercise System to Extend Vocabulary in Subject Matter for Grade 3 Students*]. Doctoral Thesis in Linguistics. Ho Chi Minh City University of Education.

Niemierko, B. (2012). Educational Diagnostics for Contemporary School Systems – Measuring and Assessing Growth of Student Human Capital, Part I: Main Concepts and the Scope. *Colloquium Wydzialu Nauk Humanistycznych Kwartalnik*, (2), 123-144.

Tran, T. N. (2018). Do kho van ban va viec day tieng Viet cho nguoi nuoc ngoai [Textual Complexity and Teaching Vietnamese for Foreigners]. *The Proceeding of the Fourth International Conference on Vietnamese Studies–Issues of Teaching Vietnamese and Studying Vietnam in the Today's World*. University of Social Sciences and Humanities, 389-399.

DESIGNING A SYSTEM OF ERROR CORRECTION EXERCISES FOR FOREIGNERS IN LEARNING VIETNAMESE PERSONAL PRONOUNS

Nguyen Duy*[*], *Do Thuy Nga,
Nguyen Bui Thien Nhan, Tran Lai Bao Chau, Tang Thi Tuyet Mai
Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam
[*]Corresponding author: Nguyen Duy – Email: duynguyen2704@gmail.com
Received: March 16, 2020; Revised: April 10, 2020; Accepted: August 26, 2020

ABSTRACT

In this article, the authors design different types of error correction exercises for foreigners in learning Vietnamese personal pronouns, the error correction exercises focusing on inappropriate use of personal pronouns, on failure to recognize meanings of personal pronouns, on failure to identify the expressive meaning of personal pronouns, and on failure to use pronouns in correct pairs. This exercise system is based on the theoretical basis of error and the errors made by foreigners in learning Vietnamese personal pronouns, which were collected through a survey. The results indicate that error is one of the essential parts in learning language and the language errors of foreigners learning Vietnamese are no exception. The common errors in learning Vietnamese personal pronouns stem from the habits of using the mother tongue of foreign students or the complication of Vietnamese personal pronouns. Therefore, the system of error correction exercises will help foreigners to remember the semantic and grammatical features of this word class.

Keywords: exercises for foreign students; personal pronoun exercises in Vietnamese; Vietnamese language exercises; Vietnamese lexicon exercises